

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/04/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		PVD1+RP3	7:25	13+9	0+0		12+10	0+0	
2		TD2+BK8	7:25	22+0	0+0		18+4	0+0	
3		MRM+PVD1	7:25	11+9	0+0		5+17	0+0	
4		P4+P8+P2	9:25	6+15+1	0+0+0		3+16+3	0+0+0	chuyen 1 p8-p2
5		P2	9:25	22	0		21	0	
6		P4	9:25	22	0		15	0	
7		P2+RC5+RP3	11:25	6+5+9	0+0+0		0+2+10	0+0+0	
8		PVD1	11:25	21	0		9	0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/Đi về trong ngày Rp3-Ing



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2023	TO: PVD1 - RP3	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: Nam - N.Cuong - Toan	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DANG PHUOC	PVD1	51	1	10	39	75	PVD DD	Vietnamese
2	VU HUNG MANH	PVD1	48	1	9	20	62	PVD DD	Vietnamese
3	CRISTOF NAEK HALOMOAN	PVD1	53-54	2	20		98	PVD DD	Indonesian
4	LE NGUYEN VU	PVD1	52	1	9		78	PVDO	Vietnamese
5	NGUYEN BINH MINH	PVD1	41	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
6	BOIKO DENIS	PVD1	46	1	14		120	KH-THAC	Russian
7	AYORINDE BAMIDEKE AKINYEMI	PVD1	44-45	2	20		90	HALLIBUR	Nigerian
8	LE BA LONG	PVD1	43	1	6		61	PVDO	Vietnamese
9	DAO XUAN AN	PVD1	42	1	9		85	PVDO	Vietnamese
10	NGUYEN GIANG TRUNG	PVD1	49-50	2	15		70	INTL.SOS	Vietnamese
11	NGUYEN VAN THOM	PVD1	56	1	6		51	PVDO	Vietnamese
12	HO TRONG DOAN	PVD1	55	1	6		75	PVDO	Vietnamese
13	VU VAN TOAN	PVD1	47	1	5		63	PVDO	Vietnamese
14	LIM KEH TECK	RP3	29-30	2	18		87	TC	Malaysian
15	BUI DUC THUAN	RP3	33	1	9		66	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN CHINH THI	RP3	34	1	4		75	KHI	Vietnamese
17	VU MANH CUONG	RP3	31	1	6		70	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HOANG NAM	RP3	32	1	6		82	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC CUONG	RP3	27	1	5		82	KHI	Vietnamese
20	BUI VAN PHU	RP3	28	1	3		71	KHI	Vietnamese
21	LE DUC VIET	RP3	35	1	5		72	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN TRONG TUAN	RP3					90	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	13	16	134	1.000	59	12		
2	RP3	9	9	56	695	0	10		
TOTAL		22	25	190	1.695	59	22		
WEIGHT KG				190	1.695	59			

GRAND TOAL: 1.944 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: TD2 - BK8	CREW: CHIẾN - NPhú - Vũ	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ MẠNH THĂNG	TD2	30	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
2	GONCHAROV SERGEY	TD2	28	1	11	20	100	KHOAN	Russian
3	TRƯƠNG THANH TUNG	TD2	89	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
4	LY ANH TUÂN	TD2	96	1	5		88	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN NGUYỄN	TD2	29	1	7		55	KHOAN	Vietnamese
6	TRẦN HUNG HUNG	TD2	95	1	7		100	KHOAN	Vietnamese
7	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	92	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN QUỐC DOAN	TD2	94	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ XUÂN HAI	TD2	97-98	2	14		78	KHOAN	Vietnamese
10	MAI VĂN HOÀNG	TD2	93	1	7		62	KHOAN	Vietnamese
11	CAO VĂN LỢI	TD2	32	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
12	PHẠM TIẾN VINH	TD2	31	1	15		85	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LUÂN	TD2	33	1	2		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỌNG TIẾN	TD2	40	1	15		82	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG HUỆ	TD2	37-38	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
16	MAI TUÂN KIẾT	TD2	99	1	11		75	KHOAN	Vietnamese
17	VŨ HỮU KẾ	TD2	34-36	3	18		72	KHOAN	Vietnamese
18	HÀ KHUÔNG DUY	TD2	38-39	2	5		65	KHOAN	Vietnamese
19	LÊ VĂN LỘC	TD2	87-88	2	18		55	T-TIN	Vietnamese
20	NGUYỄN HUỆ	TD2	91	1	5		52	T-TIN	Vietnamese
21	TELESHENKO	TD2	90	1	18		120	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	27	189	1.566	20	18		
2	BK8	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		21	27	189	1.566	20	22		
WEIGHT KG				189	1.566	20			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2023	TO: MRM - PVD1	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: ĐỨC - HỨNG - TDUNG	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KICHEV ALEXEY	MRM	49	1	6		78	AMNGR	Russian
2	TYSYACHNIK ALEXANDER	MRM	51-52	2	16		82	AMNGR	Russian
3	FILATOV SERGEI	MRM	48	1	15		110	AMNGR	Russian
4	IAKOVLEV PAVEL	MRM	56	1	7		68	AMNGR	Russian
5	TARASOV IVAN	MRM	54	1	12		112	AMNGR	Russian
6	DOROGOV VLADIMIR	MRM	55	1	12		73	AMNGR	Russian
7	BORODINOV IGOR	MRM	58-59	2	13		71	AMNGR	Russian
8	GRESHNOV ALEXEY	MRM	53	1	10		95	AMNGR	Russian
9	BUI MANH PHUC	MRM	57	1	6		76	KHOAN	Vietnamese
10	HOANG VAN THU	MRM	50	1	7		71	PSV	Vietnamese
11	TONG VAN DAT	MRM	60	1	7		63	PSV	Vietnamese
12	HOANG VAN MAO	PVD1	80	1	5		65	PVDO	Vietnamese
13	HOANG TRUNG KIEN	PVD1	81	1	5		71	PVDO	Vietnamese
14	CAO HUU PHUOC	PVD1	83	1	5	20	58	PVDO	Vietnamese
15	VU VAN TRUNG	PVD1	82	1	7		70	PVDO	Vietnamese
16	VO VAN DINH	PVD1	84	1	7		72	PVDO	Vietnamese
17	NGUYEN MINH VUONG	PVD1					60	PSV	Vietnamese
18	MAI MINH TUAN	PVD1	85-86	2	9		67	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN DINH CUONG	PVD1	78	1	5		72	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN QUOC TINH	PVD1	79	1	6		80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	MRM	11	13	111	899	0	5		
2	PVD1	9	9	49	615	20	17		
TOTAL		20	22	160	1.514	20	22		
WEIGHT KG				160	1.514	20			

GRAND TOAL: 1.694 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:40
FLIGHT: 4	TO: P4 - P8 - P2	CREW: Nam - N.Cường - Toan	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRƯỜNG THANH GIAP	P4	79	1	7		71	KHI	Vietnamese
2	LÊ MINH HIỂU	P4	81	1	8		73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG HA	P4	82	1	3		68	KHI	Vietnamese
4	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	80	1	4		60	KHI	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU LUÂN	P4	83	1	5		74	KHI	Vietnamese
6	HOÀNG TRỌNG TÂN	P4	78	1	10		75	KHI	Vietnamese
7	FIRSOV EVGENII	P8	72-73	2	14		96	KHOAN	Russian
8	NGUYỄN VĂN TRUÔNG	P8	671-672	2	7		84	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P8	62	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
10	ĐỖ VĂN PHAN	P8	64	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
11	ĐẬU CAO KHANG	P8	68	1	9		51	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYỄN DUY LINH	P8	70	1	7		90	KHOAN	Vietnamese
13	PHAN VĂN THANH	P8	65	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TIẾN HOÀ	P8	67	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
15	PHẠM ĐỨC TUÂN	P8	800	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ QUỐC BẢO	P8	66	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN CÔNG HOÀN	P8	74	1	7		80	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P8	69	1	10		54	KHOAN	Vietnamese
19	NGÔ HỒNG GIANG	P8	71	1	10		73	KHOAN	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HÙNG	P8	75-76	2	14		60	KHOAN	Vietnamese
21	LÊ HỮU HẠ	P8	63	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
22	ĐỖ DUY LỊCH	P2	84	1	6	110	75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	6	6	37	421	0	3		CHUYEN 1 PAX P8-P2
2	P8	15	18	121	1.097	0	16		
3	P2	1	1	6	75	110	3		
TOTAL		22	25	164	1.593	110	22		
WEIGHT KG				164	1.593	110			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2023	TO: P2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:45
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: Dương - TUYỀN - N Nam	ETA: 11:50
HONG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN SƠN NAM	P2	29	1	5		91	KHI	Vietnamese
2	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	P2	47	1	7		85	KHI	Vietnamese
3	ĐINH NGỌC QUY	P2	36	1	4		76	KHI	Vietnamese
4	ĐẶNG HỒNG QUÂN	P2	31	1	6		77	KHI	Vietnamese
5	DOÀN VIỆT ĐIẾP	P2	27-28	2	5		62	KHI	Vietnamese
6	VÕ QUANG ĐẠT	P2	46	1	7		55	KHI	Vietnamese
7	ĐẶNG PHÚC THẮNG	P2	48	1	3		84	KHI	Vietnamese
8	LÊ HỒNG PHONG	P2	43	1	7		81	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN VIỆT ĐẠI	P2	41-42	2	15		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN QUANG	P2	26	1	4		67	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	P2	45	1	5	25	63	KHI	Vietnamese
12	CHU MINH PHƯƠNG	P2	30	1	6	3	80	KHI	Vietnamese
13	NGHIÊM XUÂN MINH	P2	33	1	3	80	62	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN ANH TUÂN	P2	44	1	7		85	KH-THAC	Vietnamese
15	VŨ VĂN CHIẾN	P2	32	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	LÊ HUY VINH	P2	34	1	5		62	KHI	Vietnamese
17	HÀ THẾ BAO	P2	35	1	5		78	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN CHIẾN	P2	39-40	2	9		56	KHI	Vietnamese
19	ĐÀO ANH TUÂN	P2	23	1	4		72	KHI	Vietnamese
20	CAO NAM QUY	P2	37-38	2	4		71	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN HUY HOÀNG	P2	24	1	7		74	KHI	Vietnamese
22	DƯƠNG TRƯỜNG LAM	P2	25	1	5		71	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	22	26	128	1.597	108	22		
TOTAL		22	26	128	1.597	108	22		
WEIGHT KG				128	1.597	108			

GRAND TOAL: 1.833 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:40
FLIGHT: 6	TO: P4	CREW: ĐỨC - HĐức - TDUNG	ETA: 11:30
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH XUAN HUYEN	P4	02	1	4	65	74	KHI	Vietnamese
2	LE HUY CHUONG	P4	15	1	9	10	56	KHI	Vietnamese
3	NGUYEN TIEN THANH	P4	18	1	5		60	KHI	Vietnamese
4	TRAN DUY KHUONG	P4	10	1	6		89	KHI	Vietnamese
5	PHAM VAN HUY	P4	20-21	2	15	35	70	MERMAID	Vietnamese
6	DAO NGAN LAM	P4	19	1	7	27	65	MERMAID	Vietnamese
7	TRAN VAN TRUONG	P4	22	1	8		75	MERMAID	Vietnamese
8	NGO HUU HUY TU	P4	23	1	3		71	D-HANH	Vietnamese
9	NHAM DIEN BIEN	P4	16	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG TUNG	P4	14	1	5		71	D-HANH	Vietnamese
11	NGUYEN CANH TAN	P4					73	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN THANH GIAP	P4	06	1	4		68	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN VAN ANH	P4	11	1	5		68	KHI	Vietnamese
14	PHAM HUU THO	P4	17	1	8		65	KHI	Vietnamese
15	HOANG THAI DUONG	P4	05	1	5		70	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN MINH DUC	P4	12-13	2	8		91	KHI	Vietnamese
17	LE TRUNG LAM	P4	09	1	5		72	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN VAN MINH	P4	07	1	5		80	KHI	Vietnamese
19	KRAVTSOV ALEXANDR	P4	01	1	18		75	DVL	Russian
20	TRAN VAN LINH	P4	08	1	6		80	NIPI	Vietnamese
21	TRAN KHOA TRUONG	P4	03	1	7		79	NIPI	Vietnamese
22	DO VAN HOANG	P4	04	1	6		75	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

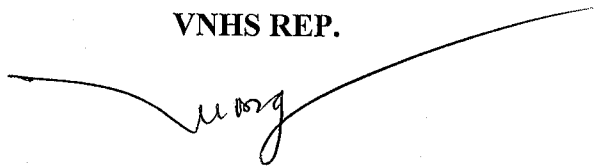
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	23	144	1.592	137	15		
TOTAL		22	23	144	1.592	137	15		
WEIGHT KG				144	1.592	137			

GRAND TOAL: 1.873 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN




FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/04/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:05
FLIGHT: 7	TO: PVD1	CREW: VThắng - M.Đức - HIẾU	ETA: 13:45
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ TẤT VINH	PVD1	24	1	5		75	PSV	Vietnamese
2	ĐỖ ĐỨC NGỌC	PVD1	28	1	9	10	72	PVDWS	Vietnamese
3	NGO VĂN CUÔNG	PVD1	27	1	5		70	PVDWS	Vietnamese
4	TRƯỜNG THANH TUÂN	PVD1	31-32	2	15		70	PVD DD	Vietnamese
5	HENRI GUNAWAN	PVD1	33-34	2	19		70	PVD-BH	Indonesian
6	TẠ HOÀI TRANG	PVD1	22	1	9		75	ANTOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN HOANG ANH DUNG	PVD1	01-02	2	14		70	DVL	Vietnamese
8	PHẠM VĂN KỶ	PVD1	23	1	11		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN NGỌC ĐÌNH	PVD1	05	1	14		90	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN TUÔNG	PVD1	10-11	2	19		80	DVL	Vietnamese
11	VŨ VĂN TÙNG	PVD1	03-04	2	14		67	HALLI BU	Vietnamese
12	CAO XUÂN TRẦN	PVD1	35	1	15		70	HALLI BU	Vietnamese
13	TRẦN KHANH DUY	PVD1	08-09	2	10		53	HALLI BU	Vietnamese
14	TRUONG VIET HANH	PVD1	06-07	2	18		70	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN TRAN TRUNG	PVD1	29-30	2	19		63	XAYLAP	Vietnamese
16	PHAM VAN PHUC	PVD1	18-19	2	19		74	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TRUNG	PVD1	20-21	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
18	LE CONG BANG	PVD1	25-26	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYEN VAN NAM	PVD1	16-17	2	19		70	XAYLAP	Vietnamese
20	DO TIEN MANH	PVD1	14-15	2	19		76	XAYLAP	Vietnamese
21	VO THANH NHAN	PVD1	12-13	2	18		65	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD1	21	35	309	1.480	10	9		
TOTAL		21	35	309	1.480	10	9		
WEIGHT KG				309	1.480	10			

GRAND TOAL: 1.799 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/04/2023	TO: P2 - RC5 - RP3	AIRCRAFT: 410	ETD: 12:00
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Dương - TUYỀN - N Nam	ETA: 14:00
NAU - 3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	MAI CONG HUAN	P2	13-14	2	17		69	XAYLAP	Vietnamese
2	DAO HUU DUNG	P2	66-67	2	18		55	T-TIN	Vietnamese
3	NGUYEN DUY THAI	P2	08	1	6		63	T-TIN	Vietnamese
4	VU DUC HUNG	P2	10-11	2	20		90	T-TIN	Vietnamese
5	TRUONG TRONG THI	P2	09	1	5		71	T-TIN	Vietnamese
6	LE QUANG HA	P2	12	1	6		76	PSV	Vietnamese
7	PHAN VAN UT	P2	03	1	6		64	NAMTIEN	Vietnamese
8	NGUYEN TAN DAT	P2	64-65	2	19		69	NAMTIEN	Vietnamese
9	PACHANOV	RC5	28	1	5	10	110	KH-THAC	Russian
10	NGUYEN XUAN NINH	RC5	29-30	2	9		71	XAYLAP	Vietnamese
11	LE HUU CUONG	RC5	23-24	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TRAN VINH	RC5	27	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN HUU HOANG	RC5	25-26	2	20		66	XAYLAP	Vietnamese
14	LE HOANG ANH	RP3	83-84	2	10		71	KHI	Vietnamese
15	DUONG HONG QUAN	RP3	77	1	5		67	KHI	Vietnamese
16	TRINH QUANG HUY	RP3					73	KHI	Vietnamese
17	LE XUAN HIEN	RP3	78	1	5		78	KHI	Vietnamese
18	PHAM VAN THIET	RP3	68-69	2	12		65	KHI	Vietnamese
19	NGUYEN QUOC BAO BINH	RP3	70	1	2		60	KHI	Vietnamese
20	KHONG TIEN DUNG	RP3	82	1	5		78	KHI	Vietnamese
21	PHAM HONG LINH	RP3	81	1	3	15	76	KHI	Vietnamese
22	NGUYEN TRUNG KIEN	RP3	79	1	8		72	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	8	12	97	557	0	0		
2	RC5	5	8	61	387	10	2		
3	RP3	9	10	50	640	15	10		
TOTAL		22	30	208	1.584	25	12		
WEIGHT KG				208	1.584	25			

GRAND TOAL: 1.817 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN